

**BIỂU HỌC PHÍ**  
**TRƯỜNG QUỐC TẾ CANADA – HỆ QUỐC TẾ (CIS)**  
**NĂM HỌC 2019 – 2020**

**1. HỌC PHÍ**

**1.1 HỌC PHÍ HỆ QUỐC TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH TỬ TÀI ONTARIO (OSSD)**

| Loại học phí<br>Cấp lớp | Học phí ưu đãi   |  | Học phí công bố  |                                    |                                    |
|-------------------------|--|--|--|------------------------------------|------------------------------------|
|                         | Học phí ưu đãi 1<br>(đóng 1 lần<br>trước ngày<br>30/04/2019) | Học phí ưu đãi 2<br>(đóng 1 lần<br>trước ngày<br>30/06/2019) | Học phí<br>trọn năm<br>(đóng 01 lần<br>trước ngày<br>15/07/2019) | Kỳ 1<br>(trước ngày<br>15/07/2019) | Kỳ 2<br>(trước ngày<br>15/12/2019) |
| Mẫu giáo (4 tuổi)       | 264,900,000  | 276,300,000  | 284,800,000  | 161,000,000                        | 161,000,000                        |
| Mẫu giáo (5 tuổi)       | 264,900,000  | 276,300,000  | 284,800,000  | 161,000,000                        | 161,000,000                        |
| LỚP 1                   | 402,900,000  | 420,300,000  | 433,200,000  | 244,800,000                        | 244,800,000                        |
| LỚP 2                   | 402,900,000  | 420,300,000  | 433,200,000  | 244,800,000                        | 244,800,000                        |
| LỚP 3                   | 402,900,000  | 420,300,000  | 433,200,000  | 244,800,000                        | 244,800,000                        |
| LỚP 4                   | 412,400,000  | 430,100,000  | 443,400,000  | 250,600,000                        | 250,600,000                        |
| LỚP 5                   | 412,400,000  | 430,100,000  | 443,400,000  | 250,600,000                        | 250,600,000                        |
| LỚP 6                   | 450,400,000  | 469,700,000  | 484,200,000  | 273,600,000                        | 273,600,000                        |
| LỚP 7                   | 450,400,000  | 469,700,000  | 484,200,000  | 273,600,000                        | 273,600,000                        |
| LỚP 8                   | 450,400,000  | 469,700,000  | 484,200,000  | 273,600,000                        | 273,600,000                        |
| LỚP 9                   | 499,500,000  | 520,900,000  | 537,000,000  | 303,500,000                        | 303,500,000                        |
| LỚP 10*                 | 505,300,000  | 527,100,000  | 543,300,000  | 307,000,000                        | 307,000,000                        |
| LỚP 11                  | 499,500,000  | 520,900,000  | 537,000,000  | 303,500,000                        | 303,500,000                        |
| LỚP 12                  | 595,100,000  | 620,700,000  | 639,800,000  | 361,500,000                        | 361,500,000                        |

(Đơn vị tính: VNĐ)

**1.2 HỌC PHÍ HỆ QUỐC TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH TỬ TÀI QUỐC TẾ (IBDP)**

| Loại học phí<br>Cấp lớp | Học phí ưu đãi   |  | Học phí công bố  |                                    |                                    |
|-------------------------|--|--|--|------------------------------------|------------------------------------|
|                         | Học phí ưu đãi 1<br>(đóng 1 lần<br>trước ngày<br>30/04/2019) | Học phí ưu đãi 2<br>(đóng 1 lần<br>trước ngày<br>30/06/2019) | Học phí<br>trọn năm<br>(đóng 01 lần<br>trước ngày<br>15/07/2019) | Kỳ 1<br>(trước ngày<br>15/07/2019) | Kỳ 2<br>(trước ngày<br>15/12/2019) |
| LỚP 11                  | 592,056,000  | 631,900,000  | 651,400,000  | 368,100,000                        | 368,100,000                        |
| LỚP 12                  | 604,476,000  | 651,600,000  | 671,700,000  | 379,483,380                        | 379,483,380                        |

(Đơn vị tính: VNĐ)

**Học phí bao gồm:**

- Hai bộ đồng phục, một bộ thể dục;
- Quyền sử dụng sách giáo khoa;
- Bảo hiểm tai nạn học sinh;
- Các câu lạc bộ ngoại khóa tại trường (không bao gồm ELL và Lớp Tiếng Việt sáng thứ 7);
- Phí thi Năng lực ngôn ngữ theo tiêu chuẩn tỉnh bang Ontario (OSSLT) - Lớp 10\*;
- Học phí IBDP đã bao gồm chi phí liên quan đến các kỳ thi cuối cấp.

## 2. CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

| STT.                         | Khoản mục phí   | Số tiền (VNĐ)   | Nội dung quy định  |
|------------------------------|---|---|--|
| <b>A. PHÍ KHÔNG HOÀN LẠI</b> |   |   |  |
| 1                            | Phí kiểm tra đầu vào<br>(1 học sinh/ 1 lần kiểm tra)                  | <b>Mẫu giáo:</b> 1,100,000<br><b>Lớp 1 - Lớp 12:</b> 2,200,000  | Thanh toán trước ngày kiểm tra.  |
| 2                            | Phí nhập học<br>(1 học sinh)  | <b>Mẫu giáo - Lớp 5:</b> 33,000,000<br><b>Lớp 6 - Lớp 8:</b> 26,400,000<br><b>Lớp 9 - Lớp 12</b> (Hệ OSSD và hệ IBDP): 22,000,000 | a) Thanh toán trong vòng 03 ngày sau khi Nhà trường thông báo chấp nhận học sinh.<br>b) Chỉ áp dụng cho học sinh mới và học sinh đã rút hồ sơ nay quay lại nhập học.<br>c) Không áp dụng hình thức đóng bổ sung phần chênh lệch giữa các cấp lớp đã quy định.  |
| 3                            | Phí giữ suất học<br>(1 học sinh)                                      | 20,000,000  | Áp dụng trong 02 trường hợp sau:<br>a) Đối với phụ huynh đăng ký hình thức thanh toán 2 kỳ từ đầu hoặc mặc định lựa chọn hình thức thanh toán 2 kỳ: Phí này được thanh toán cùng lúc với kỳ 1 và sẽ được khấu trừ vào đợt thanh toán học phí cuối cùng.<br>b) Đối với học sinh hiện hữu: phụ huynh vui lòng đóng phí giữ chỗ để có quyền được giữ một suất học của học sinh tại trường theo quy định.  |
| 4                            | Phí lớp tiếng Việt sáng thứ 7<br>(1 học sinh/1 năm học)               | 19,000,000  | a) Phí này bao gồm tiền ăn giữa buổi nhưng không bao gồm chi phí cho các chuyến dã ngoại trong chương trình học (nếu có).<br>b) Thời điểm thanh toán là cùng lúc với thời điểm thanh toán học phí.   |
| <b>B. PHÍ HOÀN LẠI</b>       |   |   |  |
| 5                            | Phí ăn  | Xem biểu phí đính kèm   | Xem quy định đính kèm  |
| 6                            | Phí xe đưa rước   | Xem biểu phí đính kèm   | Xem quy định đính kèm  |
| 7                            | Phí nội trú<br>(1 học sinh/1 năm học)                                 | 152,000,000   | Phí này bao gồm chỗ ở, suất ăn (sáng, trưa, tối và bữa phụ), xe đưa rước, dịch vụ giặt ủi và chi phí sinh hoạt cuối tuần.  |
| 8                            | Phí chương trình hỗ trợ tiếng Anh (ELL)<br>(1 học sinh/1 năm học)     | 91,800,000  | Thời điểm thanh toán là cùng lúc với học phí hoặc chậm nhất là trước khi khóa học bắt đầu.<br>Phí này chỉ được hoàn lại trong trường hợp sau:<br>a) Sau một học kỳ, học sinh được nhà trường đánh giá đã đáp ứng yêu cầu và không cần tiếp tục khóa học;<br>b) Phí ELL được thanh toán trọn năm, một lần và đúng hạn;<br>c) Tỷ lệ hoàn phí tương ứng với tỷ lệ thời gian còn lại học sinh chưa học nhưng không vượt quá 35% cho một năm học. |
| <b>C. CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC</b> |   |   |  |
| 9                            | Phí đăng ký chương trình Tú tài quốc tế IB<br>(1 học sinh/1 khóa học) | 22,000,000  | Phí này được áp dụng đối với học sinh hiện hữu thanh toán vào thời điểm nhà trường thông báo chấp nhận học sinh đăng ký theo học chương trình IBDP. Phí này sẽ được khấu trừ vào kỳ thanh toán cuối cùng của học phí lớp 12 hoặc sẽ hoàn lại 100% khi học sinh nghỉ trước thời điểm tham gia học chương trình IBDP.  |
| 10                           | Phí dã ngoại (Field trip) và các phí khác (nếu có)                    |   | Nhà trường sẽ thông báo trong năm học và tùy thuộc vào chương trình giảng dạy theo cấp lớp. Chi phí chuyến dã ngoại sẽ tùy thuộc vào địa điểm tham quan.   |
| 11                           | Phí cấp hồ sơ   | Miễn phí  | Áp dụng cho lần cung cấp đầu tiên cho 01 học sinh/ 1 bộ.   |
|                              |   | 50,000  | Áp dụng cho lần cung cấp thứ 2 trở đi cho 01 học sinh/ 1 bộ.   |

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CHO ANH CHỊ EM RUỘT

3.1 Chính sách này chỉ áp dụng đối với học phí và chỉ dành cho các gia đình có từ hai con ruột trở lên đăng ký học tại hệ thống trường CISS và thanh toán học phí đúng hạn và đầy đủ.

- Con thứ 2: giảm 5% học phí phải thanh toán
- Từ con thứ 3 trở đi: giảm 10% học phí phải thanh toán

3.2 Chính sách này không áp dụng cho anh chị em ruột của học sinh đã tham gia các chương trình ưu đãi học phí hoặc các chương trình đặc biệt khác đã có tại các trường trong hệ thống CISS.

### 4. TRÁCH NHIỆM GIỮ SUẤT HỌC

4.1 Nhà trường ưu tiên giữ suất học cho **đến hết ngày 31/05/2019** đối với các học sinh hiện hữu và tái nhập học với các điều kiện sau:

- Nhà trường nhận được phản hồi sẽ tái nhập học của Quý Phụ huynh theo quy trình đăng ký tái nhập học hàng năm
- Nhà trường nhận được **phí giữ suất học** hoặc nhận được **học phí trọn năm** cho năm 2019-2020

4.2 Sau ngày 01/06/2019, Nhà trường sẽ ưu tiên sắp xếp lớp học đối với mọi học sinh với điều kiện:

- Học sinh được chấp nhận căn cứ theo quy định nhập học/ tái nhập học của Nhà trường
- Cấp lớp học sinh nhập học/ tái nhập học còn đủ sĩ số lớp học
- Học phí được thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo quy định của Nhà trường

4.3 Học phí và các khoản phí khác chỉ được tính khi học sinh được chấp nhận vào học tại trường. Việc hoàn tất thanh toán học phí và các khoản phí khác trước khi học sinh được chấp nhận theo học tại trường sẽ không đồng nghĩa với việc nhà trường phải đảm bảo suất học cho học sinh dưới bất kỳ cam kết hoặc bất kỳ chương trình khuyến mãi/ưu đãi nào.

4.4 Nếu Quý phụ huynh hoàn tất phần thanh toán học phí trước nhưng học sinh không đáp ứng điều kiện nhập học, nhà trường cam kết sẽ hoàn trả học phí mà không phát sinh lãi suất.

### 5. THỜI HẠN THANH TOÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1 Mọi khoản học phí và các loại phí khác được xem là thanh toán hợp lệ và được áp dụng các chính sách ưu đãi (bao gồm chiết khấu thanh toán) căn cứ vào ngày nhà trường nhận được đầy đủ số tiền qua chuyển khoản/tiền mặt hoặc các hình thức khác mà không bị giảm trừ bất kỳ khoản phí giao dịch nào (ví dụ: phí chuyển khoản ngân hàng).

5.2 Thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ tại nhà trường.

5.3 Phụ huynh vui lòng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo một trong hai số tài khoản bên dưới:

| BÊN NHẬN     | CÔNG TY CP TRƯỜNG TH, THCS, THPT QUỐC TẾ CANADA  | BÊN NHẬN     | CÔNG TY CP TRƯỜNG TH, THCS, THPT QUỐC TẾ CANADA   |                     |
|--------------|--|--------------|---|---------------------|
| SỐ TÀI KHOẢN | 2425262728 (VND)   | SỐ TÀI KHOẢN | 0181002345679 (VND)   | 0181371235679 (USD) |
| NGÂN HÀNG    | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh<br>Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp.HCM | NGÂN HÀNG    | Vietcombank<br>Chi nhánh Nam Sài Gòn<br>Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM |                     |
| SWIFT CODE   | ASCBVNVX   | SWIFT CODE   | BFTV VNVX 018   |                     |

*Nội dung chuyển khoản hoặc Thông tin trên giấy Ủy nhiệm chi:*

**[Mã số học sinh] – [Tên đầy đủ của học sinh] – [Cấp lớp hiện hữu]**

5.4 Học sinh chỉ có thể nhập học sau khi phụ huynh đã hoàn tất các khoản thanh toán.

### 6. NHẬP HỌC SAU NGÀY KHAI GIẢNG

#### 6.1 Tỷ lệ thanh toán học phí

Tỷ lệ thanh toán học phí áp dụng cho mức học phí công bố và học phí ELL:

| Thời điểm nhập học     | Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí công bố) | Thời điểm nhập học     | Tỷ lệ thanh toán (theo mức học phí công bố) |
|------------------------|---|------------------------|---|
| Tháng 8 - Tháng 9/2019 | 100%  | Tháng 1 - Tháng 2/2020 | 50%   |
| Tháng 10/2019          | 90%   | Tháng 3/2020           | 40%   |
| Tháng 11/2019          | 80%   | Tháng 4/2020           | 30%   |
| Tháng 12/2019          | 70%   | Tháng 5/2020           | 20%   |

#### 6.2 Tỷ lệ thanh toán các loại phí khác

Phí ăn, phí xe đưa rước và phí nội trú được tính theo tỷ lệ thời gian sử dụng dịch vụ cho đến hết năm học.

## 7. CHÍNH SÁCH HOÀN PHÍ

### 7.1 Quy trình

Phụ huynh hoàn tất <<**Đơn xin thôi học**>> theo mẫu của nhà trường và nộp lại **Phòng Học vụ** ít nhất 60 ngày trước ngày học cuối cùng của học sinh (Các thông báo bằng lời sẽ không được chấp nhận).

### 7.2 Tỷ lệ hoàn phí

Nhà trường chỉ hoàn trả học phí đối với hình thức đóng **học phí trọn năm**, tỷ lệ cụ thể như sau:

| Ngày học cuối hoặc ngày học cuối mặc định | Nộp đơn trước 60 ngày | Nộp đơn trước 30 ngày | Nộp đơn dưới 30 ngày |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Trước 01/10/2019                          | 60% học phí đã đóng   | 50% học phí đã đóng   | 40% học phí đã đóng  |
| 01/10 – 31/12/2020                        | 35% học phí đã đóng   | 25% học phí đã đóng   | 20% học phí đã đóng  |
| 01/01 – 31/03/2020                        | 15% học phí đã đóng   | 10% học phí đã đóng   | Không hoàn phí       |
| Sau 31/03/2020                            | Không hoàn phí        | Không hoàn phí        | Không hoàn phí       |

Học phí và các chi phí khác được hoàn lại sẽ không có lãi suất và không được hoàn cho những ngày học sinh vắng mặt trong năm học.

### 7.3 Thời gian hoàn phí

Thời gian hoàn phí diễn ra trong vòng **15 - 20 ngày làm việc** kể từ ngày học cuối cùng.

### 7.4 Các trường hợp hoàn phí

Tất cả các loại phí đều không được hoàn lại dưới mọi hình thức, **ngoại trừ** các trường hợp sau đây:

- a) **Phí ăn, phí xe đưa rước:** được hoàn lại theo chính sách riêng của từng loại phí.
- b) **Phí nội trú:**
  - Tỷ lệ hoàn phí tương ứng với tỷ lệ thời gian còn lại học sinh chưa sử dụng dịch vụ tính theo nguyên tắc tròn tháng của số tháng đã sử dụng dịch vụ;
  - Phụ huynh thông báo ngưng sử dụng dịch vụ nội trú theo mẫu của nhà trường và nộp lại Phòng Học vụ ít nhất 30 ngày trước ngày học sinh ngưng sử dụng dịch vụ.
- c) **Phí chương trình hỗ trợ tiếng Anh (ELL)** chỉ được hoàn lại trong trường hợp sau:
  - Sau một kỳ học, học sinh được nhà trường đánh giá đã đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh theo cấp lớp và không cần tiếp tục khóa học;
  - Phí ELL được thanh toán trọn năm, một lần và đúng hạn;
  - Tỷ lệ hoàn phí tương ứng với tỷ lệ thời gian còn lại học sinh chưa học nhưng không vượt quá 35% cho một năm học.

## 8. TRƯỜNG HỢP CHẬM THANH TOÁN

Học phí phải được thanh toán trước thời hạn được thông báo.

Nhà trường sẽ áp dụng mức phạt như sau đối với các trường hợp chậm thanh toán:

Sau 15 ngày kể từ ngày đến hạn quy định cuối cùng, Nhà trường sẽ áp dụng mức phạt 0.1% trên tổng phí chưa thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn. Mức phạt sẽ căn cứ vào ngày nhận của ngân hàng.

--Kết thúc Biểu học phí--